

Số: 0602/2023/QĐ-VPID

Vĩnh Yên, ngày 06 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung Quy chế bảo vệ môi trường KCN Khai Quang

**TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VĨNH PHÚC**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 7/7/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Tiêu chuẩn Việt Nam và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 259/GPMT-BTNMT ngày 19/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường về việc cấp Giấy phép môi trường đối với Giai đoạn 1 (diện tích 216,53 ha) của dự án đầu tư “Mở rộng Khu công nghiệp Khai Quang (mở rộng diện tích từ 216,24 ha lên 223,81 ha)” có địa chỉ tại phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ vào Quy chế bảo vệ môi trường KCN Khai Quang ban hành kèm theo Quyết định số 0102/2023/QĐ-VPID Ngày 01/02/2023 của Tổng giám đốc Công ty;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc;

Xét đề nghị của Tổ trưởng Tổ Giám sát và ứng phó sự cố môi trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Điều chỉnh, bổ sung giá trị tiếp nhận tại Bảng 3. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của VPID, Phụ lục Quy chế Bảo vệ môi trường KCN Khai Quang ban hành kèm theo Quyết định số 0102/2023/QĐ-VPID Ngày 01/02/2023 như sau:

Bảng 3: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của VPID

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tiếp nhận
1.	Nhiệt độ	°C	40
2.	Màu	Pt/Co	150
3.	pH	-	5,5 đến 9

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tiếp nhận
4.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
5.	COD	mg/l	150
6.	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
7.	Asen	mg/l	0,0405
8.	Thủy ngân	mg/l	0,00405
9.	Chì	mg/l	0,081
10.	Cadimi	mg/l	0,0405
11.	Crom (VI)	mg/l	0,0405
12.	Crom (III)	mg/l	0,162
13.	Đồng	mg/l	1,62
14.	Kẽm	mg/l	2,43
15.	Niken	mg/l	0,162
16.	Mangan	mg/l	0,405
17.	Sắt	mg/l	0,81
18.	Tổng xianua	mg/l	0,0567
19.	Tổng phenol	mg/l	0,081
20.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
21.	Sunfua	mg/l	0,5
22.	Florua	mg/l	5
23.	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24.	Tổng nitơ	mg/l	40
25.	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
26.	Clorua	mg/l	405
27.	Clo dư	mg/l	2
28.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,0405
29.	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,243
30.	Tổng PCB	mg/l	0,00243
31.	Coliform	Vi khuẩn /100ml	5.000
32.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

(Ghi chú: Nội dung bôi đậm là nội dung được điều chỉnh, bổ sung).



Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành;

Các tổ chức, cá nhân, Công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nhà thầu thi công xây dựng, các đơn vị cung cấp dịch vụ, khách hàng thuê lại xưởng, chủ cho thuê nhà xưởng trong KCN Khai Quang và các bộ phận trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu HC.

